

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23- 3- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Luỹ
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 435/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh Th, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: ấp Sũa Đũa, xã Vĩnh Hoa Hiep, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: ấp Hiệp Hưng, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Anh Th yêu cầu vắng mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2013, anh và chị L được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HX (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 27/6/2013). Nguyên nhân mâu thuẫn: do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi vã, nên chị L bỏ đi và ly thân từ năm 2020 đến nay, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn Ph, sinh ngày

28/3/2015 do anh Th nuôi dưỡng sau khi ly thân đến nay. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của anh Th) cho biết: Sau khi Th vợ chồng thì Th – L đi làm ở Phú Quốc do đó không rõ mâu thuẫn của Th – L cụ thể là gì nhưng đã ly thân, không còn chung sống khoảng 02 năm nay, con chung có 01 đứa tên Lê Văn Phúc do Th đang nuôi dưỡng, mong Tòa giải quyết cho Th được ly hôn và tiếp tục nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th được ly hôn với chị L. Về con chung: để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần tiếp tục giao cháu Lê Văn Phúc, sinh ngày 28/3/2015 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* anh Lê Minh Th và chị Lê Thị L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó. Tòa án đã triệu tập chị L để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị đều không đến, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, cự cãi nhau và đã ly thân thời gian dài từ năm 2020 đến nay không còn chung sống, anh Th cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho anh Lê Minh Th được ly hôn với chị Lê Thị L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Trường hợp không thỏa thuận được việc nuôi con chung thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Lê Văn Ph, sinh ngày 28/3/2015 do anh Th nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao con chung tên Lê Văn Phúc, sinh ngày 28/3/2015 cho anh Th được chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu cấp dưỡng, do đó chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận anh Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Th phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh Th.

1. Về hôn nhân: anh Lê Minh Th được ly hôn với chị Lê Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 27/6/2013 do Ủy ban nhân dân xã HX, huyện PT cấp cho anh chị không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Ph, sinh ngày 28/3/2015 cho anh Lê Minh Th được tiếp tục nuôi dạy đến Th niên hoặc tự lập được (hiện anh Th đang nuôi cháu Phúc). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và anh Th phải tạo điều kiện thuận lợi, không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Nếu chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh Lê Minh Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Lê Minh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005768 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Chị Lê Thị L không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- UBND xã HX, PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung